FireAnt

CTCP Tập đoàn Đất Xanh (HSX: DXG)

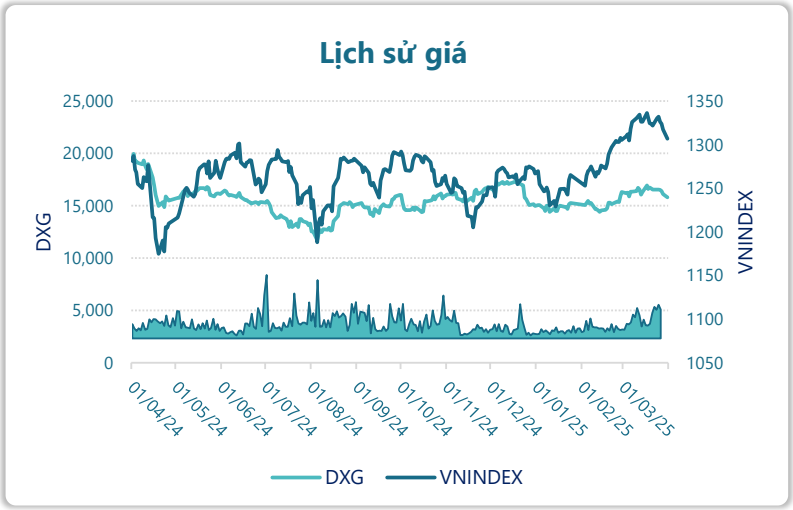

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,955
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,704
SL cổ phiếu LH	870,849,983
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,976,045
% sở hữu nước ngoài	21.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,759
P/E	51.0
EPS	310

DT thuần

Q1/25

925

tỷ VNĐ

QoQ: ▼604| -39.5%

YoY: ▼140| -13.2%

LN sau thuế

Q1/25

78.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼132| -62.6%

YoY: ▲ 0.90| 1.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

24.0%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần

2024

4,795

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,070| 28.7%

LN sau thuế

2024

453

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 303| 202%

ROE

2024

1.7%

+/- YoY: ▲ 0.5%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

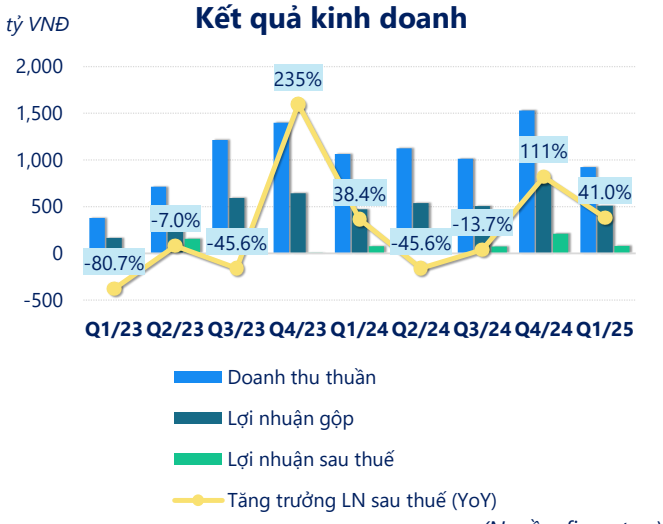

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

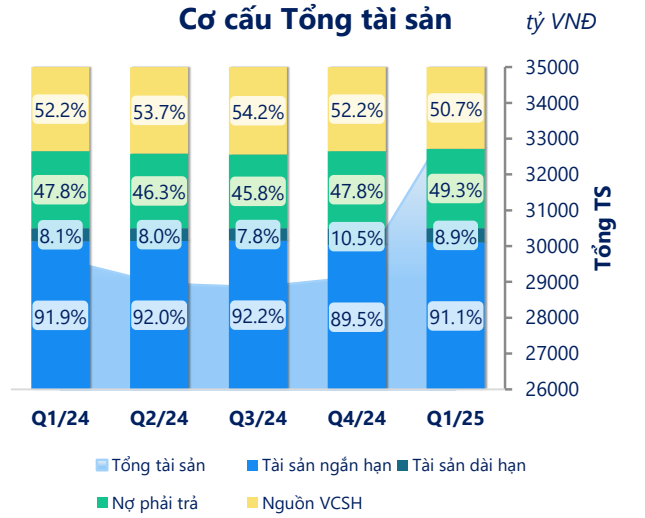

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

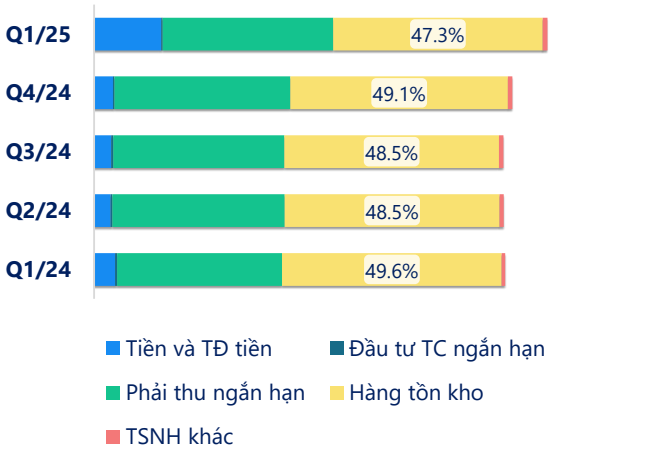

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

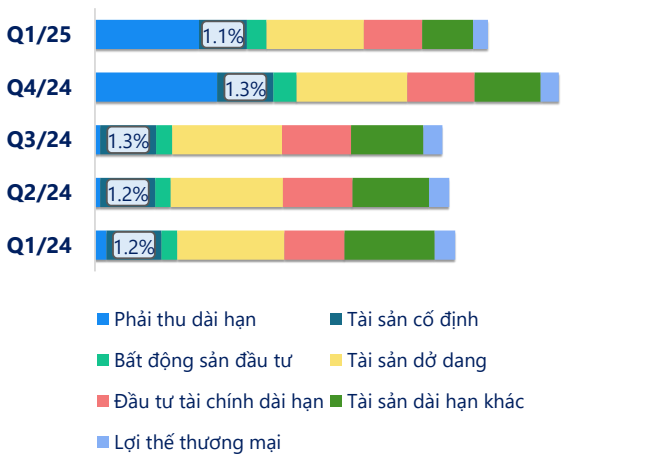

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

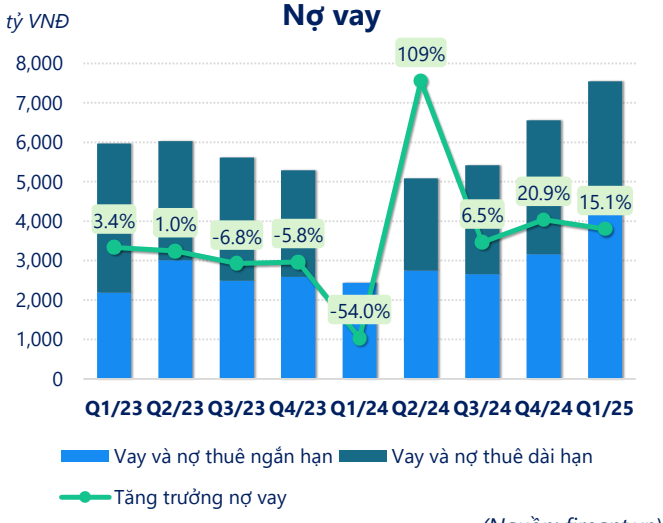

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

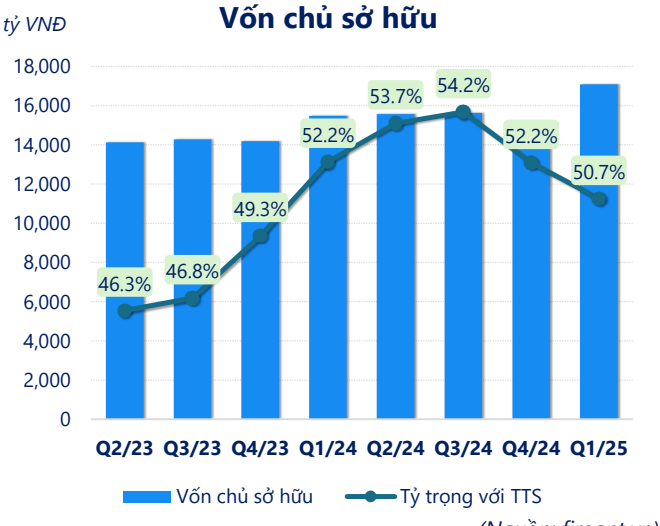

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

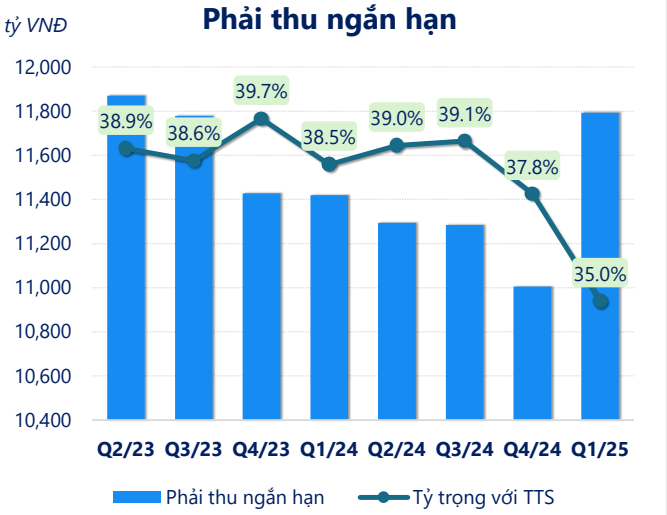

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

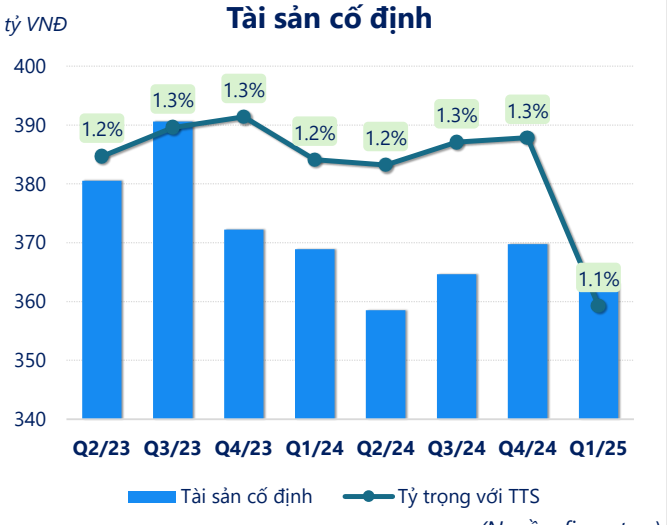

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

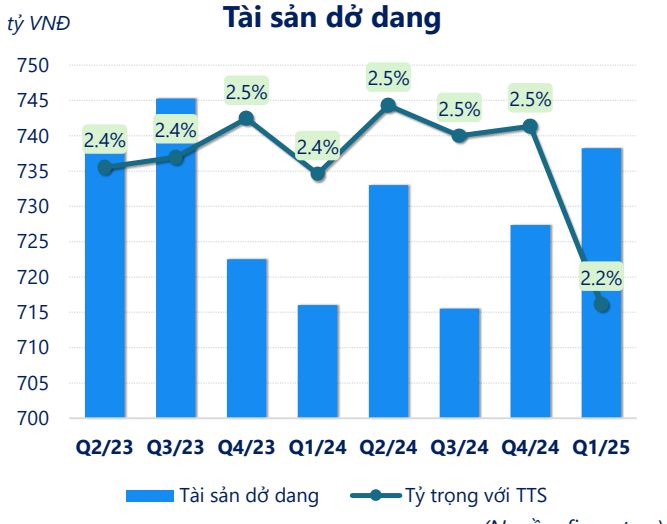

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

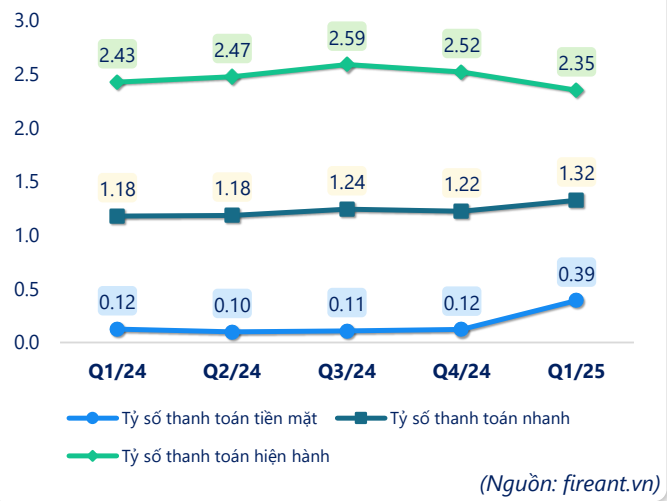

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

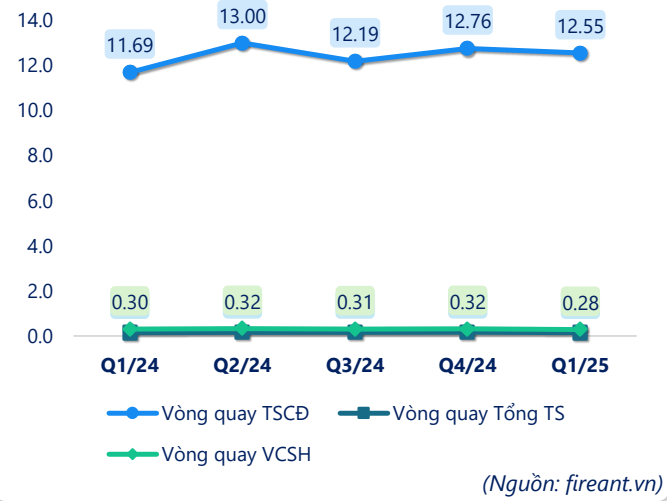

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**29,648**	**28,955**	**28,851**	**29,137**	**33,660**
Tài sản ngắn hạn	**27,236**	**26,640**	**26,588**	**26,087**	**30,676**
Tiền và tương đương tiền	1,399	1,070	1,105	1,249	5,107
Đầu tư tài chính ngắn hạn	83.6	65.0	59.3	77.9	84.8
Phải thu ngắn hạn	11,420	11,293	11,284	11,006	11,794
Hàng tồn kho	14,010	13,896	13,830	13,440	13,387
Tài sản ngắn hạn khác	324	316	309	315	304
Tài sản dài hạn	**2,411**	**2,315**	**2,263**	**3,050**	**2,984**
Phải thu dài hạn	76.4	35.2	34.5	804	791
Tài sản cố định	369	359	365	370	363
Bất động sản đầu tư	106	101	103	153	150
Tài sản dở dang	716	733	716	727	738
Đầu tư tài chính dài hạn	401	455	450	443	443
Tài sản dài hạn khác	604	501	471	434	387
Lợi thế thương mại	138	131	125	118	112
Nợ phải trả	**14,165**	**13,393**	**13,216**	**13,934**	**16,578**
Nợ ngắn hạn	**11,231**	**10,767**	**10,269**	**10,348**	**13,054**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,434	2,744	2,653	3,159	4,225
Phải trả người bán ngắn hạn	732	756	688	626	750
Nợ dài hạn	2,933	2,626	2,947	3,586	3,524
Vay và nợ thuê dài hạn	0	2,343	2,767	3,396	3,320
Nguồn vốn chủ sở hữu	**15,483**	**15,563**	**15,635**	**15,203**	**17,082**
Vốn chủ sở hữu	**15,483**	**15,563**	**15,635**	**15,203**	**17,082**
Vốn điều lệ	7,225	7,225	7,225	7,225	8,726
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)